

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/DS-PT

Ngày: 06/5/2026

“*V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Bích Lược

Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Toà án Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXPT - DS ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa;

- Nguyên đơn: Ông Dương Anh P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; Bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho ông Dương Anh P theo Giấy ủy quyền 04/3/2026. Đều trú tại: Số nhà A đường H, phường T, tỉnh Phú Thọ, “ông P có mặt”.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1956 – Luật sư, “có mặt”

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970; Cùng trú tại: Số nhà A, tổ C, khu phố T, phường T, tỉnh Phú Thọ, “bà D có mặt, ông V vắng mặt”

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1957 và ông Nguyễn Kim Á, sinh năm 1961 – Luật sư, “có mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Anh P trình bày:

Do có sự quen biết giữa 02 gia đình, ngày 31/5/2022, tại gia đình ông P, bà N thuộc khu phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ), ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D đã hỏi vay vợ chồng ông P, bà N số tiền 3.347.000.000đ (Ba tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn). Sau khi nhận đủ số tiền

trên, ông V, bà D đã viết "Giấy Biên nhận tiền" đề ngày 31/5/2022 ký, ghi rõ họ tên và ký hẹn đến ngày 31/12/2022 trả hết nợ. Do tin tưởng ông V bà D là người quen nên ông P, bà N đã đồng ý cho ông V, bà D vay đủ số tiền trên.

Nhưng đến nay đã quá hạn trên 02 năm nay (quá hạn từ 31/12/2022 đến nay đã trên 28 tháng). Ông P, bà N đã đòi nhiều lần nhưng ông V, bà D trây ý không trả, gây khó khăn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế gia đình ông P, bà N.

Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D phải thanh toán, trả cho ông Dương Anh P, bà Nguyễn Thị N số tiền đã vay là 3.347.000.000 đồng và kèm theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày ông V, bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn V trình bày:

Bà D thừa nhận giấy vay tiền lập ngày 31/5/2022 đúng là chữ kí chữ viết của bà. Tuy nhiên nội dung trong giấy vay tiền này thực chất là một khoản tiền trong tổng số tiền bà D, ông V vay của ông bà Phương N1 là 6.300.000.000, đồng tiền gốc, thế chấp bằng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 ô tô, chứ không phải khoản vay riêng. Hiện nay bà D, ông V đang khởi kiện đề nghị tòa án hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Lúc ấy do vợ chồng bà D, ông V đang phụ thuộc vào vợ chồng ông bà Phương N1, do bà D, ông V không hiểu biết pháp luật nên ông P bảo bà D, ông V kí giấy vay thì bà D, ông V kí chứ không có tiền đưa khi bà D, ông V kí giấy vay tiền, giấy vay ông P cầm chứ bà D, ông V cũng không cầm. Do vậy bà D, ông V chỉ đồng ý trả số tiền trên với điều kiện ông P và bà N1 cộng tất cả các khoản vay lại và trả lại tài sản thế chấp cho bà D, ông V là 03 quyền sử dụng đất và 02 oto.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3, điều 26; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273, Điều 147; Điều 266; Điều 280 của bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh P và bà Nguyễn Thị Nguyệt Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Dương Anh P và bà Nguyễn Thị N số tiền 4.261.235.343 đồng (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: 3.347.000.000 đồng tiền nợ gốc, 914.235.343 đồng tiền nợ lãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền đề nghị thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025, bị đơn - bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét lại toàn bộ bản án theo hướng hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và bà D thống nhất thỏa thuận và đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận nội dung cụ thể như sau: Ông V, bà D có trách nhiệm phải

thanh toán cho ông P và bà N tổng số tiền còn nợ là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), trong đó tiền nợ gốc là 2.818.955.000 đồng (Hai tỷ tám trăm mười tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi là 181.045.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí sơ thẩm: Bà D tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự . Sửa 1 phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Toà án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ, theo hướng: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông Dương Anh P và bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V trú tại: Số nhà A, tổ C, khu phố T, phường T, tỉnh Phú Thọ. Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Phú Thọ xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V có kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và bà D đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D có nghĩa vụ trả cho ông Dương Anh P và bà Nguyễn Thị N tiền nợ gốc là 2.818.955.000 đồng (Hai tỷ tám trăm mười tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi là 181.045.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết chi phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) mua USB để giám định âm thanh, giọng nói do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D, ông V tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 92.000.000 đồng nên cần chấp nhận,

Về án phí dân sự phúc thẩm bà D phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về quan điểm việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa 1 phần Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 300, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Dương Anh P và bà Nguyễn Thị N tổng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là **3.000.000.000 đồng** (*Ba tỷ đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc là **2.818.955.000 đồng** (*Hai tỷ tám trăm mười tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) và tiền lãi là **181.045.000 đồng** (*Một trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

[3] Án phí dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b, c, khoản 1 Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V phải nộp 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Dương Anh P và bà Nguyễn Thị N số tiền 49.470.000 (bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003561 ngày 18/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1), tỉnh Phú Thọ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004412 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Thị Thu Huyền Điêu Thị Bích Lợt

Nguyễn Thanh Tùng